



PHÒNG TRƯNG
ƯƠNG ĐẢNG
20-03-2026 16:34:53
+07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 09-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư khoá IX về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Kết luận số 228-KL/TW, ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;
- Căn cứ Nghị định số 07/2026/NĐ-CP, ngày 10/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư khoá IX về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể như sau:

1. Bổ sung vào Bảng 2 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo các cơ quan Đảng ở Trung ương) và Bảng 3 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo các cơ quan Mặt trận và các đoàn thể Trung ương) phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo của Cục trực thuộc các cơ quan Đảng ở Trung ương; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

STT	Chức danh	Hệ số
1	Cục trưởng Cục loại 1	1,10
2	Cục trưởng Cục loại 2	1,00
3	Phó Cục trưởng Cục loại 1	0,90
4	Phó Cục trưởng Cục loại 2	0,80
5	Trưởng phòng thuộc Cục loại 1	0,70
6	Trưởng phòng thuộc Cục loại 2	0,60
7	Phó Trưởng phòng thuộc Cục loại 1	0,50
8	Phó Trưởng phòng thuộc Cục loại 2	0,40

2. Bổ sung vào Bảng 4 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Đảng địa phương):

2.1. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo đảng uỷ xã, phường, đặc khu

STT	Chức danh	Xã, phường, đặc khu trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Xã, phường, đặc khu trực thuộc các tỉnh, thành phố còn lại
		Hệ số	Hệ số
1	Bí thư	0,80	0,70
2	Phó Bí thư	0,70	0,60
3	Ủy viên Ban Thường vụ	0,60	0,50
	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra		
4	Trưởng ban đảng, Chánh Văn phòng và tương đương	0,35	0,25
5	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra	0,25	0,20
	Phó Trưởng ban thường trực (cấp trưởng cùng cấp là uỷ viên ban thường vụ)		
6	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	0,20	0,15
	Phó Trưởng ban đảng, Phó Chánh Văn phòng và tương đương, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra		

2.2. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố và đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố

STT	Chức danh	Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Các tỉnh, thành phố còn lại
		Hệ số	Hệ số
1	Phó Bí thư chuyên trách	0,80	0,70
2	Ủy viên Ban Thường vụ	0,70	0,60
3	Trưởng ban tham mưu, giúp việc đảng uỷ	0,60	0,50
4	Phó Trưởng ban tham mưu, giúp việc đảng uỷ; Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra	0,40	0,30

3. Bổ sung vào Bảng 5 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Mặt trận và các đoàn thể địa phương) phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu:

STT	Chức danh	Xã, phường, đặc khu trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Xã, phường, đặc khu trực thuộc các tỉnh, thành phố còn lại
		Hệ số	Hệ số
1	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,60	0,50
2	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiêm Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội	0,35	0,25

Ghi chú: Đối với cấp phó chuyên trách (nếu có) của các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu thì áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,20 đối với xã, phường, đặc khu trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; mức 0,15 đối với xã, phường, đặc khu trực thuộc các tỉnh, thành phố còn lại.

4. Bổ sung vào Bảng 6 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể) phụ cấp chức vụ đối với lãnh đạo trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu:

Đơn vị	Chức danh	Hệ số
Trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu	Giám đốc	
	+ Loại I	0,35
	+ Loại II	0,25
	Phó Giám đốc	
	+ Loại I	0,20
	+ Loại II	0,15

Ghi chú:

- Loại I: Áp dụng đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Loại II: Áp dụng đối với các tỉnh, thành phố còn lại.

5. Sửa đổi Bảng 7 thành "Bảng mức lương chuẩn áp dụng đối với các chức vụ lãnh đạo Hội Cựu chiến binh từ Trung ương đến cấp xã" và bổ sung mức lương chuẩn đối với cán bộ Hội Cựu chiến binh xã, phường, đặc khu:

STT	Chức danh	Mức lương chuẩn	
		Ngạch, bậc	Hệ số
1	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, phường, đặc khu trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Bậc 4 Chuyên viên	3,33
2	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố còn lại	Bậc 3 Chuyên viên	3,00

6. Bổ sung Điều 4a như sau:

"Điều 4a. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của 4 đảng uỷ trực thuộc Trung ương (Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương; Đảng uỷ Chính phủ; Đảng uỷ Quốc hội; Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương) và các đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương

Cán bộ chuyên trách công tác đảng, đoàn thể được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ công chức hành chính và phụ cấp chức vụ như sau:

1. Đối với 4 đảng uỷ trực thuộc Trung ương

Phó Bí thư Đảng uỷ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Phó Trưởng ban đảng ở Trung ương; Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Uỷ viên Ban Thường vụ Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc

Đảng uỷ (không là Uỷ viên Ban Thường vụ) hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Cục trưởng Cục loại 1 trong các ban, bộ, ngành; Phó Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Phó Cục trưởng Cục loại 1; Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Trưởng phòng thuộc Cục loại 1; Uỷ viên Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc Cục loại 1.

2. Đối với các đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương

Phó Bí thư Đảng uỷ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Cục trưởng Cục loại 1 trong các ban, bộ, ngành; Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Uỷ viên Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ (không bao gồm Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh); Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ (không là Uỷ viên Ban Thường vụ) tại các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Vụ trưởng (Trưởng ban) trong các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ tương ứng; Phó Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuyên trách tại các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Phó Vụ trưởng (Phó Trưởng ban) trong các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ tương ứng; Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuyên trách tại các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ Trưởng phòng trong các ban, bộ, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương hoặc cơ quan thuộc Chính phủ tương ứng."

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với chức danh lãnh đạo cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đang bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo do tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ mà hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo được bảo lưu cao hơn so với Quyết định này thì tiếp tục thực hiện việc bảo lưu, sau khi hết thời gian bảo lưu thì thực hiện theo Quyết định này.

2. Đối với chức danh lãnh đạo của 4 đảng uỷ trực thuộc Trung ương (Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương; Đảng uỷ Chính phủ; Đảng uỷ Quốc hội; Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương); đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương; đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố và đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố: Trong thời gian từ khi thành lập đến trước ngày 01/01/2026 chưa được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc được bảo lưu nhưng thấp hơn hệ số phụ cấp theo Quyết định này thì được truy lĩnh và truy nộp bảo hiểm xã hội theo hệ số phụ cấp tại Quyết định này kể từ ngày giữ chức vụ lãnh đạo.

3. Đối với chức danh lãnh đạo đảng uỷ xã, phường, đặc khu: Trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến trước ngày 01/01/2026 chưa được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc được bảo lưu hệ số phụ cấp do tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ nhưng thấp hơn hệ số phụ cấp theo Quyết định này thì được truy lĩnh và truy nộp bảo hiểm xã hội theo hệ số phụ cấp tại Quyết định này kể từ ngày giữ chức vụ lãnh đạo.

4. Đối với các chức danh lãnh đạo của Cục trong các cơ quan Đảng ở Trung ương, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Giữ nguyên phụ cấp chức vụ như hiện nay cho đến khi các cơ quan Đảng ở Trung ương, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam căn cứ quy định của cấp thẩm quyền quyết định phân loại Cục đối với các Cục trực thuộc để thực hiện phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chế độ tiền lương quy định tại Quyết định này được tính hưởng kể từ ngày 01/01/2026.

2. Người đứng đầu các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; bí thư các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; bí thư các đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Trần Cẩm Tú